

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội tại Tờ trình số 941/TTr-SNV ngày 13 tháng 4 năm 2020 về việc đề nghị ban hành Quyết định thay thế Quyết định ban hành kèm theo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quy định khen thưởng thành tích đột xuất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **08** /5/2020 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: số 16/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội và số 40/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành Quy định khen thưởng thành tích đột xuất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, đơn vị trực thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; các đơn vị, tập thể, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT TW;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội; *u*
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND TP;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND TP;
- VPUB: CVP, NC, TKBT, THCB;
- Công Giao tiếp ĐT Thành phố;
- Ban TĐKT TP;
- Lưu: VT; NC. *u*

22

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chung

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số **09** /2020/QĐ-UBND
ngày **28** tháng **4** năm **2020** của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng áp dụng; nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn, thẩm quyền xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; quy trình, hồ sơ đề nghị khen thưởng; tôn vinh danh hiệu và các giải thưởng, tổ chức trao thưởng; thành lập và tổ chức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tổ chức, bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân về thi đua, khen thưởng; xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và tập thể, cá nhân người nước ngoài đang sinh sống, làm việc, học tập trong và ngoài thành phố Hà Nội, có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố Hà Nội.

2. Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị thành viên là đơn vị trong một Cụm thi đua, Khối thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một chuyên đề thi đua.

2. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý (hưởng phụ cấp chức vụ) thuộc các sở, ban, ngành,

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị thuộc thành phố (sau đây gọi tắt là lao động trực tiếp).

3. Lãnh đạo sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc thành phố là các cá nhân giữ chức vụ từ Phó Giám đốc các sở, ban, ngành, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và tương đương trở lên (sau đây gọi tắt là lãnh đạo thuộc diện thành phố quản lý).

4. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các đơn vị có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội (gọi chung là Luật thi đua, khen thưởng).

6. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

Thực hiện theo Điều 6 Luật thi đua, khen thưởng và theo nguyên tắc sau: Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên hoặc theo đợt, chuyên đề phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể; có tổ chức phát động thi đua, đăng ký tham gia thi đua, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua. Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Luật thi đua, khen thưởng; Điều 3, Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; Điều 2 Thông tư 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ và theo các nguyên tắc sau:

a) Không khen trùng (không lấy một thành tích để làm hồ sơ đề nghị một cấp có thẩm quyền xét khen thưởng nhiều lần; với một thành tích, một đối tượng chỉ được một đơn vị đề nghị khen thưởng). Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người lao động trực tiếp, cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác.

b) Khi đề nghị khen thưởng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích công tác năm đối với:

Lãnh đạo thuộc diện Thành phố quản lý phải căn cứ vào thành tích tập thể và theo tỷ lệ (đối với đơn vị được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Đề nghị khen thưởng với số lượng không quá 30% trên tổng số lãnh đạo thuộc đơn vị; đơn vị được tặng thưởng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của thành phố: Đề nghị khen thưởng với số lượng không quá 50% trên tổng số lãnh đạo đơn vị; đơn vị được tặng Cờ thi đua của Chính phủ: đề nghị khen thưởng 100% lãnh đạo thuộc đơn vị).

Người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, các quận, huyện, thị xã: Phải đạt tiêu chuẩn khen thưởng về cá nhân theo quy định và thành tích của tập thể do người đứng đầu đó lãnh đạo phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc dẫn đầu, Bằng khen hoặc công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) Chuyên đề thi đua do cấp, đơn vị nào phát động thì cấp, đơn vị đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với thành phố thì cấp, đơn vị đó trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét khen thưởng. Không khen thưởng các chuyên đề công tác khi không đăng ký với Ủy ban nhân dân thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng); không có văn bản chỉ đạo, kế hoạch sơ, tổng kết của đơn vị chủ trì, phát động; chuyên đề được phát động không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu thời gian thực hiện.

Trước khi xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện chuyên đề phải phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng để được hướng dẫn về tiêu chuẩn, số lượng làm căn cứ xét chọn khen thưởng.

d) Trong một năm không đề xuất khen thưởng cấp thành phố quá 02 lần đối với tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề thi đua do đơn vị thuộc thành phố phát động (trừ các trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc). Khi đề nghị khen thưởng cấp thành phố đối với cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyên đề của các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc thành phố phải đảm bảo ít nhất 75% là người lao động trực tiếp.

đ) Chưa xét khen thưởng đối với tập thể đang thanh tra, kiểm tra và chưa xét khen thưởng đối với thủ trưởng trực tiếp có cấp dưới thuộc đơn vị, địa phương mình sai phạm, đang trong quá trình xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

e) Đối với cá nhân mà Luật thi đua, khen thưởng quy định “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hiện hành hoặc do cấp có thẩm quyền nhận xét, xác nhận. Đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì thủ trưởng đơn vị thống nhất xem xét, đề nghị khen thưởng.

Đối với tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc được ngành dọc cấp trên, người có thẩm quyền phụ trách đơn vị đó xác nhận.

f) Không xem xét, thẩm định đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng quá thời hạn nộp hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp có lý do chính đáng).

g) Chỉ lấy kết quả khen thưởng thành tích công tác năm để làm căn cứ xét đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, khen đột xuất, các trường hợp khen khác được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đối với Bằng khen của Ban Thường vụ Thành ủy về khen thành tích công tác năm cho tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác Đảng được làm căn cứ đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm.

h) Đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể trực thuộc: Căn cứ tình hình thực tế hằng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố ban hành hướng dẫn xét tặng đảm bảo các quy định hiện hành.

i) Đối với một đơn vị cơ sở xem xét khen thưởng khi tính tỷ lệ phần trăm nếu không được một tập thể, một cá nhân thì được tính là một tập thể, một cá nhân để xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng và số lẻ từ 0,5 trở lên được làm tròn là 01.

k) Đối với tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền; phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường (nếu có).

l) Đối với đơn vị thuộc đối tượng kiểm toán bắt buộc theo Luật Kiểm toán độc lập, khi trình khen thưởng cấp Nhà nước phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian xét khen thưởng.

m) Khi xét khen thưởng thành tích công tác năm đối với tập thể, trên cơ sở kết quả đạt được của tập thể, hạ một mức khen nếu đơn vị có điểm yếu của cấp ủy trong năm xét khen.

n) Trong thời gian xét khen, nếu đơn vị để xảy ra vụ việc gây ảnh hưởng dư luận xã hội không tốt đã được cơ quan có thẩm quyền xác minh là đúng thì hạ một mức khen. Việc hạ mức khen do để xảy ra vụ việc đó chỉ áp dụng hạ mức khen một lần. Các vụ việc đã được đánh giá vào kết quả của đơn vị thời gian trước thì không lấy vụ việc đó để đánh giá khen thưởng đối với đơn vị vào thời gian tiếp theo.

o) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách (điều hành) khi người đứng đầu bị ốm hoặc đi học từ 6 tháng trở lên trong năm thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu được quy định tại Điểm b Khoản này.

p) Các trường hợp không xem xét khen thưởng khác thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II
TIÊU CHUẨN, THẨM QUYỀN XÉT TẶNG VÀ ĐỀ NGHỊ
CẤP TRÊN TẶNG THƯỜNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC
KHEN THƯỞNG; HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 5. Khen thưởng cấp Nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, đề nghị cấp trên khen thưởng:

1. Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động (các hạng); Anh hùng Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Chiến sỹ thi đua Toàn quốc: Đạt tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Cờ thi đua của Chính phủ: Tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu các Cúp thi đua Thành phố hoặc tập thể dẫn đầu toàn thành phố trên các lĩnh vực, ngành nghề, có mô hình mới để các tập thể khác học tập, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25, Luật thi đua, khen thưởng và Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

3. Khen thưởng thành tích công hiến: Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 36, 37, 38, 42, 43, 44 Luật thi đua, khen thưởng; Điều 16, 17, 18, 22, 23, 24, 41, 42, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và theo các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước:

a) Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 62, Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

b) Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 63, Luật thi đua, khen thưởng và theo Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”.

c) Danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 64, Luật thi đua, khen thưởng và theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú”.

d) Danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”: Thực hiện theo Điều 65, Luật thi đua, khen thưởng và theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về

xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

đ) Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Thực hiện theo Điều 59 Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 03/2014/TTLT/BNV-BQP-BLĐTB&XH ngày 10 tháng 10 năm 2014 của liên bộ: bộ Nội vụ, bộ Quốc phòng và bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

e) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước: Thực hiện theo Điều 66, 67, 68 Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; Điều 5 Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật; Điều 8, 9, 10 Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 6. Khen thưởng cấp Thành phố

Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố”:

a) Tập thể là đơn vị thành viên thuộc Cụm thi đua do thành phố thành lập hoặc sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc thành phố thành lập; được đánh giá, bình xét, suy tôn là đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua theo Cụm thi đua và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng và theo Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

b) Tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề thi đua cấp thành phố (đợt thi đua, chuyên đề thi đua có thời gian thực hiện từ 03 tháng trở lên).

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: Tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc, được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27, Luật thi đua, khen thưởng.

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Thành phố”: Được xét tặng hằng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 22, Luật thi đua, khen thưởng và Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng cho tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 72, Luật thi đua, khen thưởng; Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và theo các đối tượng, tiêu chuẩn sau:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về khen thưởng tổng kết năm tặng cho tập thể thuộc các Cụm thi đua Thành phố, được các Cụm thi đua Thành phố bình xét, suy tôn.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về khen thưởng tổng kết năm tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc thành phố trong số các tập thể, cá nhân có 02 năm liên tục trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tính đến thời điểm trình khen, cá nhân có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề, đạt các tiêu chuẩn sau:

Đối với tập thể: Nội bộ đoàn kết, gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể thực hiện đợt, chuyên đề như tham gia tích cực, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo tốt kế hoạch đã đề ra trong quá trình thực hiện, thành tích đó đóng góp thiết thực vào hoàn thành nhiệm vụ công tác của đơn vị và địa phương.

Đối với cá nhân: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có thành tích tiêu biểu trong số cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trong quá trình thực hiện, góp phần tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác của đơn vị và địa phương.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng cho các tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

đ) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng cho gia đình hoặc công dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội: có giá trị từ 100 lần mức lương cơ sở trở lên (có thể tính đóng góp cộng dồn trong 02 năm).

e) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng cho công nhân, nông dân, người lao động; Chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang có nhiều thành tích, phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Lập nhiều thành tích trong lao động, sản xuất học tập, công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Công nhân có từ 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ 01 đến 02 hộ nông dân xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm cho 10 lao động

trở lên. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hiệu quả của mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

f) Khen đối ngoại: Các cá nhân, tổ chức ngoài thành phố; cá nhân, tổ chức người nước ngoài; người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố.

5. Khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ hoặc đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

Đạt giải thưởng, huy chương trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp khu vực hoặc thế giới; đạt giải nhất hoặc huy chương vàng trong các cuộc thi, giải đấu cấp Quốc gia với kết quả thành tích thi cao hơn năm trước.

Mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, rà phá bom mìn, vật liệu nổ.

Có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước của nhân dân, được dư luận xã hội hoan nghênh.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất do thành phố giao.

b) Các hình thức khen thưởng thành tích đột xuất:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và các đơn vị thuộc thành phố tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng cấp huyện hoặc tương đương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng cấp thành phố hoặc tương đương.

Đối với các trường hợp tiêu biểu, đặc biệt xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng cả nước, thì xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng bằng khen; trình Chủ tịch nước xét tặng Huân chương Lao động các hạng.

6. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Là hình thức động viên, khích lệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, hành động nổi bật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để tuyên truyền, nêu gương trong toàn thành phố.

7. Mức tiền thưởng: Được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Tiêu chuẩn, thẩm quyền xét tặng các danh hiệu thi đua đặc thù theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện theo các Quy chế, Quy định ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (*danh mục các quy chế, quy định đính kèm*).

Điều 8. Hiệp y khen thưởng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương (trừ các nội dung không phải hiệp y theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo xét, hiệp y danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục khác khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng và đơn vị quản lý cấp trên có thẩm quyền

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có ý kiến hiệp y về việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân thuộc các trường học và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn và có ý kiến hiệp y đối với các đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn (do các sở, ban, ngành trình khen thưởng) khi có đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Khi có văn bản xin ý kiến của Ban Thi đua - Khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện, hòm thư điện tử công vụ hoặc phần mềm xử lý văn bản), đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 10 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời được xem như đồng ý, Ban Thi đua - Khen thưởng tiến hành các bước tiếp theo trong quy trình xét khen thưởng; Thủ trưởng đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Chương III

**QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 9. Các trường hợp khen thưởng và đề nghị khen thưởng xin ý kiến Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Đảng bộ thành phố

Thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Đảng bộ thành phố.

Điều 10. Quy trình xét khen thưởng

1. Khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động (các hạng); Anh hùng Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua Toàn quốc; Cờ thi đua của Chính phủ:

Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, thẩm định hồ sơ, thực hiện các quy trình theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố xét duyệt.

Căn cứ kết quả phiếu bình xét của thành viên Hội đồng, Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, thực hiện các quy trình theo phân cấp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Khen thưởng thành tích công hiến:

Hằng năm, các đơn vị trực thuộc thành phố rà soát các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng, đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) hướng dẫn cá nhân hoặc người nhà cá nhân (nếu cán bộ đề nghị khen thưởng đã từ trần) làm báo cáo (có xác nhận của Ban Tổ chức Thành ủy). Trình Ủy ban nhân dân thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, thực hiện các quy trình theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch Nước khen thưởng.

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước:

Cơ quan Thường trực của Hội đồng xét tặng theo chuyên ngành cấp thành phố tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu (bao gồm các thành viên theo quy định và có lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng).

Hội đồng xét tặng từng chuyên ngành cấp thành phố thực hiện các quy trình, thủ tục theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình cấp trên khen thưởng.

d) Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng.

đ) Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” đối với tập thể, cá nhân thuộc Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân: Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (hoặc Công an Thành phố) chủ trì, phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, thực hiện các quy trình theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, trình Bộ Quốc phòng (hoặc Bộ Công an) xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch Nước tặng thưởng.

e) Trước khi trình khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, Ban

Thi đua - Khen thưởng lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện truyền thông của Thành phố trong thời hạn 07 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất): Báo Hà Nội mới, Kinh tế & Đô thị, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, Cổng giao tiếp Điện tử Thành phố.

Riêng các danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”: việc lấy ý kiến nhân dân được thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Khen thưởng cấp thành phố:

a) Khen thưởng tổng kết năm (Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) cho các đơn vị thuộc các Cụm thi đua thành phố:

Ban Thi đua - Khen thưởng tiếp nhận hồ sơ trình của đơn vị Cụm trưởng các Cụm thi đua thành phố, thẩm định và tổng hợp, xin ý kiến các đơn vị liên quan, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố họp xét duyệt.

Căn cứ kết quả bỏ phiếu của thành viên Hội đồng, Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khen thưởng.

b) Khen thưởng tổng kết năm cho các tập thể, lãnh đạo đơn vị, cán bộ, công chức, nhân viên thuộc các đơn vị; khen thưởng chuyên đề, khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đặc thù của thành phố:

Căn cứ đề nghị của các đơn vị, Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Đối với các chuyên đề thi đua cấp thành phố do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp phụ trách, trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định phải xin ý kiến của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách chuyên đề thi đua.

c) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Thành phố”:

Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, xin ý kiến (bằng văn bản) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố.

Sau khi có ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các trường hợp đủ điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng.

3. Khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Đối với Ban Thi đua, Khen thưởng Thành phố:

Trực tiếp theo dõi và thực hiện các quy trình thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với các trường hợp sau:

Thông tin phát hiện từ người dân, các phương tiện thông tin đại chúng.

Thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị đột xuất của thành phố.

b) Đối với các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể, quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc thành phố:

Đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn khen thưởng tại Khoản 5, Điều 6 của Quy định này để xét, khen thưởng theo thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân thành phố xét, khen thưởng thành tích đột xuất cho tập thể, cá nhân có phạm vi ảnh hưởng tích cực đối với thành phố và toàn quốc.

Điều 11. Quy định chung về hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với các đơn vị, tổ chức trực thuộc thành phố và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị khi trình khen thưởng (“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương” các hạng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”) phải lấy ý kiến của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực: nộp thêm 01 bộ hồ sơ theo quy định.

2. Khi đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng bằng văn bản thì đồng thời gửi kèm file điện tử của tờ trình, báo cáo kèm danh sách đề nghị khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng (trừ văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước).

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất:

Tờ trình của đơn vị trình khen; báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân, trong đó ghi rõ hành động, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản; các hồ sơ có liên quan (nếu có).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và các đơn vị thuộc thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung có liên quan, cụ thể:

a) Khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, việc đánh giá, công nhận mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng do người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp thành phố, việc đánh giá, công nhận mức hoàn thành

nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích của tập thể, cá nhân do người đứng đầu đơn vị thuộc thành phố chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Quy trình khen thưởng đặc thù:

Đối với việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị đột xuất, kịp thời động viên tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất, có thành tích, công trạng rõ ràng, các đơn vị chưa kịp hoàn thiện Tờ trình, báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân theo quy định: Ban Thi đua - Khen thưởng chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xác minh và thẩm định thành tích theo công trạng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

6. Khen theo thủ tục đơn giản: Các đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 85 Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, gửi Ban Thi đua - Khen thưởng.

Điều 12. Thời điểm nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

Ủy ban nhân dân thành phố nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng (qua Ban Thi đua - Khen thưởng), thời gian như sau:

1. Khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ cho các đơn vị thuộc thành phố: Cụm trưởng các Cụm thi đua thành phố gửi hồ sơ đề nghị đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 20 tháng 12 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ khối xã và khối y tế cơ sở: Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 15 tháng 01 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương (các hạng), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các tập thể kỷ niệm năm tròn ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành và các cá nhân chuẩn bị nghỉ chế độ (đợt 1): Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 01 hằng năm.

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương (các hạng), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các tập thể, cá nhân thuộc các khối, trừ khối Giáo dục và Đào tạo (đợt 2): Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 3 hằng năm.

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương (các hạng), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các tập thể, cá nhân khối Giáo dục và Đào tạo (đợt 3): Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 7 hằng năm.

e) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 7 hằng năm.

f) Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp thi đua, khen thưởng”: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 15 tháng 3 hằng năm.

2. Khen thưởng cấp thành phố:

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc phong trào thi đua Thành phố, Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố cho các đơn vị thuộc thành phố: Cụm trưởng các Cụm thi đua thành phố gửi hồ sơ đề nghị đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 20 tháng 12 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc lĩnh vực, ngành: Các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể thành phố gửi hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 10 tháng 12 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm của các đơn vị thuộc thành phố đối với các tập thể, cá nhân trực thuộc: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 01 hằng năm.

d) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp Thành phố: Đợt 1 (trước ngày 30/01 hằng năm); Đợt 2 (trước ngày 01/7 hằng năm).

đ) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Thành phố”: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 3 hằng năm.

e) Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm khối doanh nghiệp trên địa bàn thành phố: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 15 tháng 4 hằng năm.

f) Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết nhiệm vụ năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố:

Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Riêng đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Thành phố trình 01 đợt theo tiến độ chung thành phố (trước ngày 30 tháng 3 hằng năm).

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội: Gửi kết quả đánh giá, xếp thứ tự các phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã về Ban Thi đua - Khen thưởng trước ngày 10 tháng 7 hằng năm; Gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc về Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố trước ngày 10 tháng 7 hằng năm.

Các trường đại học, cao đẳng thuộc thành phố gửi hồ sơ khen thưởng trước ngày 10 tháng 8 hằng năm.

g) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”: Gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất ngày 30 tháng 6 hằng năm.

h) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”: Gửi thường xuyên.

i) Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”: Gửi đến Sở Khoa học - Công nghệ chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 13. Tuyển trình khen thưởng

Được thực hiện theo Điều 53 của Luật thi đua, khen thưởng, Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2017/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ và theo các nội dung sau:

1. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể ở các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố thì nơi trực tiếp quản lý cán bộ, công chức và quỹ lương xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp thành phố, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

d) Liên đoàn Lao động Thành phố khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do Liên đoàn Lao động Thành phố thành lập; Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp thành phố, Công đoàn viên chức Thành phố, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; Công đoàn Công ty, Tổng Công ty thuộc thành phố; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

2. Đối với tuyển trình Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở thành phố: Do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội theo quy định.

b) Đối với Hội đồng nhân dân thành phố: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Văn phòng và các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tại thành phố do Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tại huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

d) Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Do Ủy ban nhân dân xã tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

đ) Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, xem xét, trình Cờ đơn vị thi đua xuất sắc Thành phố cho các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

e) Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trình Cờ thi đua đơn vị xuất sắc cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

f) Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kiêm nhiệm thì do đơn vị quản lý xét, trình khen thưởng.

3. Đối với các Hội:

a) Đối với các Hội tham gia Cùm thi đua thuộc Thành phố xét, khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

b) Các hội là có phạm vi hoạt động trong thành phố do sở quản lý Nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Các hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo:

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các giáo hội Thành phố do cơ quan giáo hội thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các giáo hội huyện do cơ quan giáo hội huyện trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân huyện.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ xin ý kiến các đơn vị liên quan quản lý về tôn giáo; xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

5. Đối với khen thưởng tổng kết năm, tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc cho các đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã dưới sự chỉ đạo về chuyên môn theo ngành dọc của hai sở, ngành trở lên:

a) Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp Sở Thông tin Truyền thông, Sở Du lịch xét, trình đối với phòng Văn hóa Thông tin và Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao cấp huyện.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố xét, trình đối với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch Kiến trúc và Sở Giao thông Vận tải xét, trình đối với phòng Quản lý đô thị cấp huyện.

d) Sở Công thương chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xét, trình đối với phòng Kinh tế cấp huyện.

đ) Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính xét, trình đối với phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

e) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch Đầu tư xét, trình đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện.

f) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng xét, trình đối với Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện.

g) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội xem xét và trình khen thưởng cho các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố.

h) Văn phòng Thành ủy chủ trì, phối hợp Ban Nội chính Thành ủy xét, trình cơ cho Văn phòng quận, huyện, thị ủy.

6. Khen thưởng cấp Nhà nước, cấp thành phố cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Trình Ủy ban nhân dân Thành phố tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường và cơ sở giáo dục do sở trực tiếp quản lý.

Xét, trình Cờ Thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã (gửi hồ sơ trước ngày 10 tháng 11 hằng năm).

Xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ cho các tập thể, cá nhân trong toàn ngành; trình Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng, báo cáo kết quả với UBND Thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trình Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường học, cơ sở giáo dục do địa phương trực tiếp quản lý.

Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện) chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện.

c) Các trường Đại học, Cao đẳng: Trình Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

7. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

8. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

9. Các tập thể, cá nhân thuộc các Bộ, ngành Trung ương, các trường Đại học, Viện nghiên cứu, Tập đoàn kinh tế, các tổ chức... nếu có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đó quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị đơn vị quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, địa phương (kể cả người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen.

Điều 14. Số lượng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khối giáo dục đào tạo

1. Danh hiệu thi đua:

a) Đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và Chiến sỹ thi đua Thành phố: Các đơn vị lựa chọn các cá nhân tiêu biểu xuất sắc có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

b) Danh hiệu Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố: Được lựa chọn thông qua bình xét, đánh giá, suy tôn theo Cụm thi đua (quy định tại Điều 12, Nghị định 91/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ):

Mỗi quận, huyện, thị xã lựa chọn 03 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu các cấp học thuộc địa phương (mỗi cấp học là 01 Cụm thi đua) đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định trình Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

Mỗi Cụm thi đua các trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý bình xét, suy tôn 01 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

Sở Giáo dục và Đào tạo: lựa chọn 05 phòng Giáo dục và Đào tạo tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu theo 05 Cụm thi đua quận, huyện, thị xã của thành phố để đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

Trường hợp đặc biệt, căn cứ kết quả thành tích cụ thể của từng Cụm thi đua và các đơn vị trong Cụm thi đua, Sở Giáo dục và Đào tạo, các quận, huyện, thị xã thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng đề xuất số lượng khen thưởng trình thành phố xem xét, quyết định.

Đối với các trường Đại học, Cao đẳng thuộc thành phố: Lựa chọn 01 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua của đơn vị đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

c) Danh hiệu Cờ Thi đua của Chính phủ:

Mỗi quận, huyện, thị xã lựa chọn 01 tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số 03 tập thể đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong các tập thể trình Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ Thi đua xuất sắc đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Số lượng không quá 20% số lượng đơn vị đề nghị Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ban Thi đua - Khen thưởng: Là đơn vị chủ trì, tổng hợp các tập thể đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ (do các quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục Đào tạo đề nghị); phối hợp với Sở Giáo dục Đào tạo lựa chọn các tập thể tiêu biểu xuất sắc đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ, số lượng không quá 20% số đơn vị được tặng Cờ Thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc:

Đối với các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng thuộc thành phố đề nghị thành phố khen thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc: Căn cứ tình hình thực tế hằng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố ban hành hướng dẫn tỷ lệ đề nghị xét tặng đảm bảo các quy định hiện hành.

đ) Các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng thuộc thành phố, do các đơn vị phân bổ cơ cấu khen thưởng cho phù hợp; đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở phải đảm bảo không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

2. Hình thức khen thưởng:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại: Đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét khen thưởng hoặc trình Trung ương khen thưởng theo quy định.

Điều 15. Số lượng Cờ thi đua đối với ngành y tế Thủ đô

1. Danh hiệu Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố:

Được lựa chọn thông qua bình xét, đánh giá, suy tôn theo Cụm thi đua (quy định tại Điều 12, Nghị định 91/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ).

Mỗi Cụm thi đua thuộc Sở Y tế quản lý bình xét, suy tôn không quá 02 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu, đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

Trường hợp đặc biệt, căn cứ đặc thù của từng Cụm thi đua và kết quả thành tích cụ thể của từng đơn vị trong Cụm, Sở Y tế thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng đề xuất số lượng khen thưởng trình thành phố xem xét, quyết định.

2. Danh hiệu Cờ Thi đua của Chính phủ: Sở Y tế lựa chọn các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong các tập thể đủ điều kiện tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Thành phố đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Số lượng không quá 04 tập thể (trong đó: 01 Cờ tặng cho đơn vị tiêu biểu trong các Bệnh viện chuyên

khoa tuyển Thành phố, 01 Cờ tặng cho đơn vị tiêu biểu trong các Bệnh viện đa khoa tuyển Thành phố, 01 Cờ tặng cho đơn vị tiêu biểu trong các Bệnh viện tuyển huyện, 01 Cờ tặng cho đơn vị tiêu biểu thuộc các Trung tâm Y tế).

Chương IV

TÔN VINH DANH HIỆU VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG; TỔ CHỨC TRAO THƯỞNG

Điều 16. Tôn vinh danh hiệu và các giải thưởng

Việc tôn vinh các danh hiệu, các giải thưởng có liên quan đến khen thưởng phải đăng ký, lập đề án tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo và phải được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Hồ sơ tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp có giá trị cho 01 lần tổ chức.

Điều 17. Tổ chức trao thưởng

Việc tổ chức đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước và Thành phố được thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và theo các nội dung sau:

1. Tổ chức Lễ trao tặng, đón nhận kết hợp trong lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, hội nghị điển hình tiên tiến, hội nghị sơ, tổng kết (trừ trường hợp trao tặng, đón nhận khen thưởng đột xuất, khen thưởng kháng chiến, khen thưởng công hiến, danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng). Việc tổ chức Lễ trao tặng, đón nhận phải đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Trước khi tổ chức trao thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, các đơn vị phải xây dựng kịch bản trao tặng, đón nhận, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để được hướng dẫn, thông qua chương trình chi tiết buổi lễ, hội nghị trước 05 ngày diễn ra buổi lễ, hội nghị. Công bố quyết định khen thưởng do đại diện Ban tổ chức buổi lễ, hội nghị hoặc cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị tổ chức buổi lễ, hội nghị thực hiện.

3. Tổ chức trao tặng, đón nhận một lần với mỗi tập thể, cá nhân được khen thưởng. Trao tặng hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua từ thứ bậc cao đến thứ bậc thấp. Trao tặng cho tập thể trước, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau.

4. Việc tổ chức Lễ trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do nước ngoài tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thành phố: Sở Ngoại vụ là đơn vị Thường trực, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức Lễ trao tặng đảm bảo đúng thủ tục quy định.

5. Các trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân do đơn vị đề nghị khen thưởng phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời.

Điều 18. Trang trí buổi lễ

Việc trang trí buổi lễ được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

Chương V

THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP; TỔ CHỨC, BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thành lập theo Điều 63, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Ủy ban nhân dân thành phố về công tác thi đua, khen thưởng của thành phố; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thực hiện theo Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ. Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng theo quy định.

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố do thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động; là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Cấp ủy đảng, thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố.

b) Từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: là cấp Phó Thường trực của người đứng đầu đơn vị, tổ chức và Chủ tịch công đoàn cùng cấp.

c) Các thành viên Hội đồng: là lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc; đại diện cho tổ chức đoàn thể cùng cấp do thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thuộc thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước từng năm và trong từng giai đoạn của tổ chức, đơn vị.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của đơn vị.

c) Tham mưu, tư vấn cho Cấp ủy đảng, thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của đơn vị hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Căn cứ vào tình hình thực tiễn; quy định của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và hướng dẫn của đơn vị nghiệp vụ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động đề các sở, ban, ngành và các đoàn thể thuộc thành phố xác định cơ cấu, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cho phù hợp.

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động; là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Trưởng phòng Nội vụ là Ủy viên Thường trực Hội đồng.

c) Các thành viên Hội đồng: Có 15 đến 17 thành viên là cấp trưởng các đoàn thể và phòng, ban có liên quan, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (trong đó có 01 chuyên viên phòng Nội vụ phụ trách công tác thi đua khen thưởng là Thư ký Hội đồng).

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến

ngợi, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

c) Các thành viên Hội đồng: Có 07 đến 09 thành viên là cấp trưởng các đoàn thể và ngành có liên quan, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định; Công chức Văn phòng - Thống kê là Ủy viên Thường trực Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Điều 23. Tổ chức, bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc thành phố

1. Phòng Tổ chức Cán bộ (Văn phòng, phòng Tổ chức Hành chính hoặc các đơn vị tương đương) của các sở, ban, ngành thành phố; phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị. Văn phòng - Thống kê cấp xã là bộ phận Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng. Phường, xã, thị trấn: Bố trí cán bộ Văn phòng - Thống kê kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng.

3. Đối với các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các đơn vị thuộc thành phố bố trí cán bộ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo tính ổn định. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Công thương, Văn hóa và Thể thao: bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng.

Chương VI QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Điều 94 Luật thi đua, khen thưởng; Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VII QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Các quyền lợi

Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Chiến sỹ thi đua cấp thành phố”, “Người tốt, việc tốt” cấp Thành phố, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", ngoài việc được khen thưởng theo quy định của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Bộ Nội vụ và của thành phố.

Điều 26. Quyền, nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng và Điều 76, 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VIII XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 27. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng

Thực hiện theo Điều 78, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về Ban Thi đua - Khen thưởng; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 98 Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị tước, hồ sơ đề nghị phục hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị tước các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Thành phố gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

b) Báo cáo tóm tắt căn cứ, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị tước danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị phục hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Thành phố gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

b) Báo cáo tóm tắt căn cứ, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị phục hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố, các quận, huyện, thị xã, các Cụm thi đua thuộc thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này. Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định này để xây dựng quy định (quy chế) thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc thù của đơn vị.

b) Chủ động phát hiện, xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất hoặc làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

c) Hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, nâng cao vai trò quản lý

Nhà nước về thi đua, khen thưởng; xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình bồi dưỡng, chủ động về giảng viên để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này.

b) Tham mưu Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố kiểm tra, giám sát các cụm, khối thi đua, các đơn vị thuộc thành phố về việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng theo quy định.

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị thuộc thành phố, gồm: Hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

d) Hằng năm ban hành hướng dẫn thực hiện quy định này cho phù hợp với thực tế (thời gian trình, cơ cấu, số lượng đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân,...).

đ) Kịp thời phát hiện, thẩm định, đề xuất các cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất (theo thủ tục đơn giản).

e) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin, báo, đài tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, những điển hình tiêu biểu trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng.

f) Hằng năm xây dựng kế hoạch về nội dung chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn thành phố.

Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời xem xét, điều chỉnh./✓

**DANH MỤC CÁC DANH HIỆU THI ĐUA ĐẶC THÙ
THEO QUY ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”;

2. Danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội”: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

3. Danh hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô”: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về quy chế xét tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô”;

4. Danh hiệu “Người tốt, việc tốt”: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về quy chế xét tặng danh hiệu “Người tốt, Việc tốt” trên địa bàn thành phố Hà Nội;

5. Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định công nhận sáng kiến cơ sở và xét tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”

6. Danh hiệu Thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thực hiện theo quy định tại Quyết định 13/2015/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

7. Gắn biển công trình chào mừng các ngày lễ lớn trên địa bàn Thành phố: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội về Quy chế xét, công nhận công trình chào mừng các ngày lễ lớn của Thủ đô và đất nước;

8. Khen thưởng Doanh nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế khen thưởng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.
